

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN AN MINH
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số: 30/2017/HS-ST
Ngày 27-12-2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mỹ Linh

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Ngọc Thanh

Bà Trương Thị Như Ngọc

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thùy Trang - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Đại diện Viện kiểm sát nhân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Thì - Kiểm sát viên

Ngày 27 tháng 12 năm 2017 tại Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 30/2017/TLST-HS ngày 13 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 127/2017/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Thái Hiệp T, sinh năm 1989 tại tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: ấp 1, xã BC, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 09/12; dân tộc Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Thái Văn D và bà Trần Thị P; vợ: Đinh Thị Th; con: Chưa; tiền án: Ngày 23/7/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 05 năm tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số: 182/2009/HSST và ngày 30/9/2009 bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù về tội cướp giật tài sản theo bản án số: 245/2009/HSST, tổng hợp hình phạt buộc phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 08 năm tù (*chấp hành xong hình phạt tù ngày 06/10/2015, chưa xóa án tích*); tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 22/6/2017, tạm giam ngày 28/6/2017 cho đến nay (*có mặt*).

2. Phan Đình Tr, sinh năm 1989 tại tỉnh Quảng Nam. Nơi cư trú: ấp 5, xã BC, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không ổn định; trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phan Đình Đ và bà Đỗ Thị H; vợ: Phạm Thị Ngọc H1 và 01 người con sinh năm 2011; tiền án: Ngày 19/4/2012 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội cố ý gây thương tích theo bản án số: 78/2012/HSPT và ngày

22/8/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đức Linh, tỉnh Bình Thuận xử phạt 02 năm tù về tội trốn khỏi nơi giam giữ theo bản án số: 67/2013/HSST, tổng hợp hình phạt buộc phải chấp hành hình phạt của bản án này và hình phạt chưa thi hành của bản án trước là 03 năm 10 tháng 29 ngày (*chấp hành xong hình phạt tù ngày 05/5/2017, chưa xóa án tích*), tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 22/6/2017, tạm giam ngày 28/6/2017 cho đến nay (*có mặt*).

3. Phạm Minh Quốc Th, sinh năm 1991 tại huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai. Nơi cư trú: ấp SC, xã BC, huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá: 08/12; dân tộc Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Thiên chúa (công giáo); con ông Phạm Hữu Tr và bà Đặng Thị M; vợ: Dương Thị D và 01 người con sinh ngày 12/6/2017; tiền án: Ngày 22/11/2010 bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm tù giam về tội trộm cắp tài sản theo bản án số: 290/2010/HSPT và ngày 25/11/2010 bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội trộm cắp tài sản, tổng hợp hình phạt buộc phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 06 năm 06 tháng tù (*chấp hành xong hình phạt tù ngày 04/02/2015, chưa xóa án tích*), tiền sự: Không, bị trích xuất từ Nhà tạm giữ Công an huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau về Nhà tạm giữ Công an huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang từ ngày 25/12/2017 đến nay (*có mặt*).

4. Phạm Văn T1, sinh năm 1990 tại tỉnh Nam Định. Nơi cư trú: ấp 57, xã XQ, huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Làm thuê; trình độ văn hoá 09/12; dân tộc Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; con ông Phạm Văn Q và bà Bùi Thị T; vợ: Lương Thị TM và 02 người con, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2013; tiền án: Ngày 25/10/2013 bị Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông xử phạt 02 năm tù về tội trộm cắp tài sản theo bản án số: 56/2013/HSST (*chấp hành xong hình phạt tù ngày 01/3/2015, chưa xóa án tích*), tiền sự: Không; bị tạm giữ ngày 22/6/2017, tạm giam ngày 28/6/2017 cho đến nay (*có mặt*).

Bị hại:

- A **Đổng Vũ L**, sinh năm 1993 (*vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp TP, xã ĐT, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Bà **Đoàn Thị D**, sinh năm 1969 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp 7C, xã ĐT, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang

- A **Lê Văn T2**, sinh năm 1994 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp VX, xã ĐHB, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Ông **Lâm Thế N**, sinh năm 1970 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp TPĐ, xã ĐH, huyện An Minh - Kiên Giang

- A **Lê Quốc A**, sinh năm 1986 (*vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: ấp VX, xã ĐHB, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- Ông **Nguyễn Hoài H**, sinh năm 1976 (*có mặt*)

Địa chỉ: ấp 8 II, xã TH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang

- A **Đặng Bảo T3**, sinh năm 1989 (*vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ 04, khu phố ĐH, thị trấn HĐ, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang

- Người có QLNVLQ: Ông **Phạm Văn B**, sinh năm 1968 (*vắng mặt, nhưng có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*)

Địa chỉ: Tổ 04, khu phố ĐH, thị trấn HĐ, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tháng 06 năm 2017 Thái Hiệp T, Phan Đình Tr, Phạm Minh Quốc Th và Phạm Văn T1 đã thực hiện 07 vụ Trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện An Biên, huyện An Minh và huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, cụ thể như sau:

Vụ thứ nhất: Khoảng 10 giờ ngày 03/6/2017, Thái Hiệp T, Phạm Văn T1, T X và S (X và S không xác định được họ tên đầy đủ và địa chỉ cụ thể ở đâu) đi từ thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau đến huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tìm tài sản là xe mô tô để trộm cắp. Thành điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Exciter 150, biển kiểm soát 60C1-879.79 màu xanh - trắng của T chở T1; S điều khiển xe hiệu Honda, loại xe Winner 150, biển kiểm soát 60C1-879.55 màu xanh - trắng của Phạm Minh Quốc Th chở X chạy theo tuyến đường vành đai ven biển phía nam (đường xuyên Á), khi đến cầu Kênh Hăng khoảng 12 giờ, lúc này T điều khiển xe rẽ trái chạy về hướng Cà Mau theo tuyến tỉnh lộ 967, được một đoạn khoảng 04km đến địa phận ấp VX, xã ĐHB, huyện An Minh thì phát hiện xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Exciter 150, biển kiểm soát 68M1-195.33 màu trắng - đỏ của anh Lê Văn T2 đậu cặp lề lộ nên T dừng xe lại cho T1 xuống xe dùng bộ đồ ăn mang theo mở khóa, khởi động máy chạy quay ngược lại rẽ vào Kênh Hăng ra lộ xuyên Á, gặp T X và S, S qua xe của T chở T tiếp tục đi tìm xe để trộm, còn T1 và T X chạy xe vừa trộm được về Cà Mau.

Vụ thứ hai: Cũng trong ngày 03/6/2017, sau khi giao xe vừa trộm được của anh Lê Văn T2 cho T1 và X điều khiển về tỉnh Cà Mau thì S điều khiển xe chở T tiếp tục rẽ phải xuống cầu Kênh Hăng chạy một đoạn khoảng 06 km, đến địa phận ấp TPD, xã ĐH, huyện An Minh thì phát hiện xe mô tô hiệu Honda loại xe tay ga Vision, biển kiểm soát 68M1-184.16 màu đỏ - đen của anh Lâm Thế N nên T kêu S dừng xe lại cho T xuống dùng bộ đồ ăn mang theo mở khóa lấy trộm xe rồi chạy quay ngược lại lên lộ xuyên Á chạy về Cà Mau. Khi về đến Cà Mau thì gặp T1 và X, lúc này T đưa xe Vision màu đỏ - đen vừa trộm được cho X điều khiển còn Sang thì điều khiển xe Exciter màu trắng - đỏ vừa trộm được chạy lên thành phố Hồ Chí Minh tiêu thụ, khi X và S chạy xe đi thì T điện thoại cho Tèo Th (không xác định được họ tên và địa chỉ cụ thể) ở khu vực ngã tư An Sương - Quận 12 chờ X và S đem xe lên bán. X và S bán hai xe vừa trộm được cho T2 Tèo Th được số tiền 19.000.000 đồng, trừ tiền ăn, uống và đổ xăng hết 1.000.000 đồng, còn lại

18.000.000 đồng. Ngày 05/6/2017, T và T1 về đến huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai gặp X và S chia tiền bán xe trộm được đều nhau, mỗi người được 4.500.000 đồng.

Vụ thứ ba: Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 04/6/2017, Thái Hiệp T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Exciter 150, biển kiểm soát 60C1-879.79 màu xanh - trắng, chở Phạm Văn T1 đi từ Cà Mau đến tỉnh Kiên Giang theo đường Vành đai ven biển phía nam, khi đi đến địa phận ấp VX, xã ĐHB, huyện An Minh thì phát hiện hai xe mô tô đậu cặp lộ nên T quay lại cho T1 xuống xe dùng bộ đồ dẫn mang theo bẻ khóa lấy trộm xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Exciter 150, biển kiểm soát 68M1-174.89 màu đỏ - đen của anh Lê Quốc A rồi khởi động máy chạy về Cà Mau, T và T1 chạy xe vừa trộm được lên thành phố Hồ Chí Minh bán cho Tèo Th ở khu vực ngã tư An Sương được 12.000.000 đồng, chia đều nhau mỗi người được 6.000.000 đồng.

Vụ thứ tư: Vào khoảng 10 giờ ngày 19/6/2017, Thái Hiệp T, Phạm Văn T1, Phạm Minh Quốc Th và Phan Đình Tr rủ nhau qua địa bàn huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tìm xe mô tô trộm bán lấy tiền tiêu xài, T điều khiển xe mô tô hiệu Honda, loại xe Winner 150, biển kiểm soát 60C1-879.55 màu xanh - trắng, chở Th; T1 điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Exciter 150, biển kiểm soát 60C1-879.79 màu xanh - trắng, chở Tr đi theo đường vành đai ven biển phía nam, khi đến cầu Kênh Hăng thì T rẽ trái chạy ra đường tỉnh lộ 967 về hướng Thới 7, chạy được một đoạn khoảng 04km thì phát hiện xe mô tô hiệu Honda, loại xe AirBlade, biển kiểm soát 68L1-071.06 màu vàng (cam) đen của anh Nguyễn Hoài H ở ấp MDA, xã MT, huyện U Minh Thượng đậu trước sân nhà ông Nguyễn Văn H ở ấp 10 H, xã ĐH, huyện An Minh (ngang cơ sở bán vật liệu xây dựng Năm Thương) thì T dừng xe lại cho Th dùng bộ đồ dẫn mang theo bẻ khóa dẫn xe ra lộ, khởi động máy chạy đi, khi lấy được xe thì T điện thoại cho T1 chờ trên đường xuyên Á, gặp được T1, Tr thì Th đưa xe vừa trộm được cho Tr chạy về Cà Mau, T1 điều khiển xe chạy về cùng Tr.

Vụ thứ năm: Cũng trong ngày 19/6/2017, sau khi giao xe vừa lấy trộm được của anh Trần Hoài H cho T1 và Tr chạy về Cà Mau, thì T tiếp tục điều khiển xe chở Th chạy vào Kênh Hăng, qua chợ An Minh Bắc, rẽ phải khoảng 02km đến địa phận ấp AH, xã AMB, huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang, phát hiện cặp mé sông có hai chiếc xe mô tô đang đậu, T dừng xe lại cho Th xuống tiếp cận, quan sát không thấy người trông giữ nên Th lấy bộ đồ dẫn mang theo bẻ khóa lấy trộm xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Exciter 135, biển kiểm soát 68D1-089.88 màu xanh - trắng của anh Đặng Bảo T3. Lấy được xe T và Th mỗi người chạy một xe về hướng cầu Kênh Hăng rồi lên lộ xuyên Á chạy về Cà Mau đưa xe vừa trộm được cho Tr và T1 lên thành phố Hồ Chí Minh bán cho Tèo Th ở khu vực ngã tư An Sương được 14.500.000 đồng, trong đó: Xe AirBlade, biển kiểm soát 68L1-071.06 màu vàng (cam) đen bán được 7.000.000 đồng; xe Exciter 135, biển kiểm soát 68D1-089.88 màu xanh - trắng bán được 7.500.000 đồng. Bán xe xong T1 và Tr đi xe khách về Cà Mau hết số tiền 500.000 đồng còn lại 14.000.000 đồng thì gặp T và Th chia đều mỗi người được 3.500.000 đồng.

Vụ thứ sáu: Vào ngày 20/6/2017, Thái Hiệp T, Phạm Văn T1, Phạm Minh Quốc Th và Phan Đình Tr hẹn gặp nhau tại thành phố Cà Mau, tỉnh Cà Mau bàn tính đi qua địa bàn tỉnh Kiên Giang lấy trộm tài sản xe mô tô bán lấy tiền tiêu xài thì cả nhóm đồng ý. Đến khoảng 10 giờ cùng ngày thì bắt đầu đi, T điều khiển xe Honda, loại xe Winner 150, biển kiểm soát 60C1-879.55 màu xanh - trắng chở Th; T1 điều khiển xe hiệu Yamaha, loại xe Exciter 150, biển kiểm soát 60C1-879.79 màu xanh - trắng chở Tr chạy từ Cà Mau xuống địa bàn huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang theo tuyến đường vành đai ven biển phía nam, khi đến đoạn đường Kênh Mười Quang (Công trình cầu lộ Thứ Chín Rưởi) thì T chạy xe rẽ ra tỉnh lộ 967 đi về hướng huyện An Biên được một đoạn khoảng 04km đến 05km thì phát hiện xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Exciter 150, biển kiểm soát 68M1-192.72 màu đen, đậu tại hàng ba nhà trọ Ngọc D tại ấp 9X, xã ĐH, huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang nên T dừng xe lại ngồi trên xe trước nhà trọ Ngọc D, cho Th vào tiếp cận dừng đoàn mang theo bẻ khóa, dẫn xe ra khỏi động máy chạy ngược về hướng cầu Thứ Chín Rưởi ra lộ xuyên Á, khi chạy được một đoạn thì T điện thoại cho T1 và Tr biết là đã lấy trộm được xe, kêu đậu xe ngoài đường xuyên Á chờ. T và Th chạy xe vừa trộm được giao cho T1 và Tr chạy đi tiêu thụ, đồng thời T đổi xe với T1, T1 và Tr mỗi người chạy một xe về Cà Mau.

Vụ thứ bảy: Cũng trong ngày 20/6/2017, sau khi Th giao xe vừa trộm được cho Tr và T1 chạy đi tiêu thụ và T sau khi đổi xe với T1 thì tiếp tục điều khiển xe hiệu Yamaha, loại xe Exciter 150, biển kiểm soát 60C1-879.79 màu xanh - trắng chở Th chạy theo tuyến đường xuyên Á về hướng Thới 7, huyện An Biên tìm xe lấy trộm tiếp, khi qua cầu Thới 7 thuộc địa phận ấp 7C, xã ĐT, huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang thì rẽ phải chạy theo tuyến Quốc lộ 63 về hướng huyện U Minh Thượng được một đoạn khoảng 500 mét thì phát hiện bên tay trái (trên bờ) theo hướng đi của xe có một xe mô tô hiệu Honda, loại xe SH MODE, biển kiểm soát 68B1-253.27 màu đen của chị Đoàn Thị D, T điều khiển xe quay lại ngồi trên xe canh đường cho Th vào dùng bộ đoàn mang theo bẻ khóa rồi dẫn xe ra lộ khỏi động máy chạy lên lộ xuyên Á về Cà Mau. Trên đường về đến xã TLĐ, huyện Thới Bình, tỉnh Cà Mau thì Tr, T1 và T bị Công an bắt giữ cùng tang vật. Th điều khiển xe vừa trộm được của chị D chạy phía sau nhìn thấy T, T1 và Tr bị bắt nên quay đầu xe chạy theo hướng khác về Cà Mau rồi chạy về tỉnh Đồng Nai. Khi đi đến Trạm thu phí đường bộ Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang thì nhìn thấy lực lượng Cảnh sát giao thông chốt chặn kiểm tra phương tiện, do sợ bị bắt nên Th bỏ xe mô tô vừa trộm được ở ven đường và bắt xe khách về huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 06/KL-HĐĐG ngày 29/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Minh kết luận: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại Vision, biển kiểm soát 68M1-184.16 màu sơn đỏ có giá trị là **32.205.600 đồng**;

Tại bản kết luận định giá tài sản số 07/KL-HĐĐG ngày 29/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Minh kết luận: 01 (Một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, biển kiểm soát 68M1-195.33 màu sơn trắng - đỏ có giá trị là **38.970.000 đồng**;

Tại bản kết luận định giá tài sản số 08/KL-HĐĐG ngày 29/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Minh kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, biển kiểm soát 68M1-174.89 màu sơn đen - đỏ có giá trị là **40.491.000 đồng**;

Tại bản kết luận định giá tài sản số 15/KL-HĐĐG ngày 21/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Minh kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AirBladeFI, biển kiểm soát 68L1-071.06 màu sơn vàng - đen, có giá trị là **27.300.000 đồng**;

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 05/7/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện U Minh Thượng kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter; dung tích xi la 134, mang biển kiểm soát 68D1-089.88, màu sơn xanh - trắng, số máy 55P1-105523, số khung P10CY105514, xe bánh mâm, thắng đĩa được định giá tại thời điểm bị xâm hại có giá trị là **14.800.000 đồng**;

Tại bản kết luận định giá tài sản số 12/KL-HĐĐG ngày 30/6/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Minh kết luận: 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter, biển kiểm soát 68M1-192.72 màu sơn đen, có giá trị là **40.491.000 đồng**;

Tại bản kết luận định giá tài sản số 31/KL-HĐĐG ngày 07/9/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện An Biên kết luận: 01 (một) xe máy hiệu Honda, số loại SH MODE màu đen, số máy JF51E0420675, số khung RLHJF512XFY158601 giá **51.579.000 đồng**.

*** Vật chứng thu giữ:**

- 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại xe Winner 150 màu xanh - trắng, biển kiểm soát 60C1-879.55 của Phạm Minh Quốc Th;

- 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Exciter 150 màu xanh - trắng, biển kiểm soát 60C1-879.79 của Thái Hiệp T;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen gắn thẻ sim số 0888568452, cũ đã qua sử dụng của Thái Hiệp T;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh - đen, có số IMEI: 353687/07/449783/2, cũ đã qua sử dụng của Phạm Văn T1;

- 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng - đen, gắn thẻ sim 0888315051, cũ đã qua sử dụng của Phan Đình Tr;

- 01 (một) dụng cụ mở khóa an T1 bằng kim loại dài 05cm, hình trụ, mặt cắt hình vuông có cạnh 0,8cm;

- 01 (một) ống điều chữ L, hai đầu lục giác 08mm;

- 01 (một) dụng cụ bẻ khóa xe máy bằng kim loại dài 8,2cm, có cán dài 05cm, trên cán có chữ 8mm STANDARD;

- 01 (một) dụng cụ bẻ khóa xe máy bằng kim loại dài 7,3cm, có cán dài 4,3cm;

- 01 (một) giấy hẹn đăng ký xe mới 60C1-879.79;

- 01 (một) giấy mua bán xe mô tô tên Thái Hiệp T mà các bị can sử dụng làm phương tiện, công cụ thực hiện hành vi phạm tội được thu giữ và bảo quản tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh theo Quyết định chuyển giao vật chứng số 20 ngày 30/10/2017.

Riêng 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Exciter 150 màu đen, biển kiểm soát 68M1-192.72 đã trả lại cho chủ sở hữu là anh Đồng Vũ L, anh L không yêu cầu bồi thường gì thêm.

*** Về trách nhiệm dân sự:**

Người bị hại anh Đồng Vũ L đã nhận lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, biển kiểm soát 68M1-192.72 màu đen, không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Người bị hại Lê Quốc A yêu cầu Thái Hiệp T, Phạm Văn T1 phải bồi thường giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter 150, biển kiểm soát 68M1-174.89 màu đỏ - đen với số tiền **30.000.000 đồng**. Thái Hiệp T đã bồi thường được **15.000.000 đồng** và anh Quốc A đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Thái Hiệp T, không yêu cầu T bồi thường gì thêm; Phạm Văn T1 đồng ý bồi thường số tiền 15.000.000 đồng còn lại, nhưng hiện tại chưa có khả năng bồi thường nên anh Quốc A tiếp tục yêu cầu giải quyết tại phiên tòa.

Người bị hại anh Lê Văn T2 yêu cầu Thái Hiệp T, Phạm Văn T1 bồi thường giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter 150, biển kiểm soát 68M1-195.33 màu trắng - đỏ với số tiền **38.970.000 đồng**. Thái Hiệp T, Phạm Văn T1 đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của anh T2, nhưng hiện tại chưa có khả năng bồi thường.

Người bị hại Lâm Thế N yêu cầu Thái Hiệp T, Phạm Văn T1 bồi thường giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe Vision, biển kiểm soát 68M1-184.16 màu đỏ - đen với số tiền **32.205.600 đồng**. Thái Hiệp T, Phạm Văn T1 đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của anh N, nhưng hiện tại chưa có khả năng bồi thường.

Người bị hại Đoàn Thị D yêu cầu Thái Hiệp T, Phạm Minh Quốc Th bồi thường giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe SH MODE, biển kiểm soát 68B1-253.27 màu đen với số tiền **51.579.000 đồng**. Thái Hiệp T, Phạm Minh Quốc Th đồng ý bồi thường số tiền theo yêu cầu của chị D, nhưng hiện tại chưa có khả năng bồi thường, chị D tiếp tục yêu cầu bồi thường số tiền trên.

Người bị hại Đặng Bảo T3 yêu cầu Thái Hiệp T, Phạm Văn T1, Phạm Minh Quốc Th và Phan Đình Tr bồi thường giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter 135, biển kiểm soát 68D1-089.88 màu trắng - xanh với số tiền **38.000.000 đồng**. T, T1, Th và Tr không đồng ý bồi thường như yêu cầu của anh T1 mà thống nhất sẽ bồi thường cho A T1 theo kết luận định giá tài sản là **14.800.000 đồng**, bị hại Đặng Bảo T3 tiếp tục yêu cầu bồi thường với số tiền **38.000.000 đồng** và đề nghị xem xét, giải quyết tại phiên tòa.

Người bị hại Nguyễn Hoài H yêu cầu Thái Hiệp T, Phạm Văn T1, Phạm Minh Quốc Th và Phan Đình Tr bồi thường giá trị chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại xe AirBlade, biển kiểm soát 68L1-071.06 màu vàng - đen với số tiền **27.300.000 đồng**. Thái Hiệp T, Phan Đình Tr đã bồi thường cho anh H được số tiền **10.000.000 đồng** và anh H đã làm đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho T, Tr và không yêu cầu bồi thường gì thêm; Phạm Văn T1, Phạm Minh Quốc Th đồng ý bồi thường số tiền như đã thỏa thuận cho anh Nguyễn Hoài H, nhưng hiện tại chưa có khả năng bồi thường nên anh H tiếp tục yêu cầu T1, Th bồi thường và đề nghị xem xét, giải quyết tại phiên tòa.

Đối với những người tên S, X và Tèo Th qua thẩm tra không xác định được nhân thân, lý lịch, địa chỉ cụ thể, chưa làm việc được nên chưa đủ căn cứ để khởi tố bị can, khi nào chứng minh được sẽ xem xét xử lý sau.

Ngoài ra, trong quá trình điều tra Thái Hiệp T, Phạm Văn T1 và Phạm Minh Quốc Th còn thừa nhận đã thực hiện các vụ trộm cắp tài sản xe mô tô trên địa bàn tỉnh Cà Mau và tỉnh Bạc Liêu, do các vụ án này đã được khởi tố vụ án hình sự và khởi tố bị can trong vụ án khác nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Tại Cáo trạng số 31/CTr-VKS ngày 09-11-2017 Viện Kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang truy tố Thái Hiệp T về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm a khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự (viết tắt là BLHS); Phan Đình Tr về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm c và e khoản 2 Điều 138 BLHS; Phạm Minh Quốc Th và Phạm Văn T1 về tội “Trộm cắp tài sản” theo điểm e khoản 2 Điều 138 BLHS.

** Tại phiên tòa:*

- Các bị cáo Thái Hiệp T, Phan Đình Tr, Phạm Minh Quốc Th và Phạm Văn T1 khai nhận đã thực hiện hành vi trộm cắp tài sản trên địa bàn huyện An Biên, huyện An Minh và huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang của nhiều người bị hại đúng như cáo trạng nêu trên. Sau khi sự việc xảy ra bị cáo T đã bồi thường cho anh Quốc A 15.000.000 đồng, ông H 5.000.000 đồng; bị cáo Tr đã bồi thường cho ông H 5.000.000 đồng.

- Người bị hại bà Đoàn Thị D có ý kiến: Về trách nhiệm hình sự, yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự, xác định tài sản bị chiếm đoạt do có mua bảo hiểm nên đã Công ty TNHH dịch vụ Cosmos (Việt Nam) bồi thường 40.400.000 đồng, còn lại 11.179.000 đồng. Nay yêu cầu mỗi bị cáo T, Th phải bồi thường 5.589.500 đồng.

- Người bị hại anh Lê Văn T2 có ý kiến: Về trách nhiệm hình sự, yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự, tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được, được định giá có giá trị 38.970.000 đồng, vì vậy yêu cầu mỗi bị cáo T, T1 phải bồi thường 19.485.000 đồng.

- Người bị hại ông Lâm Thế N trình bày: Về trách nhiệm hình sự, yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định của pháp luật; về trách nhiệm dân sự, tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được, được định giá có giá trị 32.205.000 đồng, vì vậy yêu cầu mỗi bị cáo T và T1 phải bồi thường 16.102.800 đồng.

- Người bị hại ông Nguyễn Hoài H có ý kiến: Về trách nhiệm hình sự, yêu cầu xử lý bị cáo T1, Th theo quy định của pháp luật, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, Tr; về trách nhiệm dân sự, tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được, được định giá có giá trị 27.300.000 đồng, vì vậy yêu cầu mỗi bị cáo T, T1, Tr và Th phải bồi thường 6.825.000 đồng, nhưng bị cáo T, Tr mỗi bị cáo đã bồi thường được 5.000.000 đồng nên không yêu cầu bị cáo T, Tr phải bồi thường gì thêm.

- Người bị hại anh Lê Quốc A vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong đơn yêu cầu xét xử vắng mặt thể hiện: Về trách nhiệm hình sự, xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo T, xử lý theo quy định của pháp luật đối với bị cáo T1; về trách nhiệm dân sự, tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được, được định giá có giá trị 32.205.600 đồng, nhưng anh chỉ yêu cầu mỗi bị cáo T, T1 phải bồi thường 15.000.000 đồng và bị cáo T đã bồi thường xong, còn bị cáo T1 chưa bồi thường.

- Người bị hại anh Đồng Vũ L vắng mặt tại phiên tòa không có lý do mặc dù đã được triệu tập hợp lệ.

- Người bị hại anh Đặng Bảo T3 vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong đơn yêu cầu xét xử vắng mặt thể hiện: Về trách nhiệm hình sự, yêu cầu xử lý các bị cáo theo quy định pháp luật; về trách nhiệm dân sự, không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn B vắng mặt tại phiên tòa, nhưng trong đơn yêu cầu xét xử vắng mặt thể hiện không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì.

- Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và anh luận: Hành vi của bị cáo Thái Hiệp T đã có đủ yếu tố cấu T tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm a khoản 3 Điều 138 của BLHS; hành vi của bị cáo Phan Đình Tr đã có đủ yếu tố cấu T tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm c, e khoản 2 Điều 138 của BLHS; hành vi của bị cáo Phạm Minh Quốc Th và Phạm Văn T1 có đủ yếu tố cấu T tội “Trộm cắp tài sản” được quy định tại điểm e khoản 2 Điều 138 của BLHS. Đồng thời, hành vi của các bị cáo Tr, Th, T1 còn thuộc trường hợp phạm tội có tổ chức nên truy tố bổ sung đối với các bị cáo Tr, Th, T1 thêm điểm a khoản 2 Điều 138 BLHS. Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; điểm a, g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 BLHS: Xử phạt bị cáo Thái Hiệp T từ 08 đến 09 năm tù.

+ Áp dụng điểm a, c, e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46 ; khoản 2 Điều 46 và Điều 33 BLHS: Xử phạt bị cáo Phan Đình Tr 03 đến 04 năm tù.

+ Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 BLHS: Xử phạt bị cáo Phạm Minh Quốc Th từ 05 đến 06 năm tù.

+ Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 BLHS: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T1 từ 06 đến 07 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị áp dụng các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự, buộc các bị cáo Thái Hiệp T, Phạm Văn T1 liên đới bồi thường cho bị hại: Lê Văn T2 số tiền **38.970.000 đồng**, Lâm Thế N số tiền **32.205.600 đồng**.

Buộc các bị cáo Thái Hiệp T, Phạm Minh Quốc Th liên đới bồi thường cho người bị hại Đoàn Thị D số tiền **11.179. 000 đồng**.

Buộc các bị cáo Phạm Văn T1, Phạm Minh Quốc Th liên đới bồi thường cho người bị hại Nguyễn Hoài H số tiền **13.650.000 đồng**.

Buộc bị cáo Phạm Văn T1 phải bồi thường cho người bị hại Lê Quốc A **15.000.000 đồng**.

Đối với người bị hại Đồng Vũ L vắng mặt tại phiên tòa, nhưng theo hồ sơ thể hiện tài sản bị chiếm đoạt đã nhận lại, không yêu cầu gì nên đề nghị không xem xét.

Đối với người bị hại Đặng Bảo T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn B không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên đề nghị không xem xét.

Đối với số tiền bảo hiểm của Công ty TNHH dịch vụ Cosmos (Việt Nam) đã bồi thường cho chị D, đề nghị tách giải quyết T một vụ án khác khi có yêu cầu.

Về vật chứng: Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 41 BLHS, khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị: Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại xe Winner 150 màu xanh - trắng, biển kiểm soát 60C1-879.55; 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Exciter 150 màu xanh - trắng, biển kiểm soát 60C1-879.79; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu đen gắn thẻ sim số 0888568452, cũ đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh đen, có số IMEI: 353687/07/449783/2, cũ đã qua sử dụng; 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu trắng đen, gắn thẻ sim 0888315051, cũ đã qua sử dụng mà các bị can dùng làm phương tiện, công cụ phạm tội;

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) dụng cụ mở khóa an toàn bằng kim loại dài 05cm, hình trụ, mặt cắt hình vuông có cạnh 0,8cm; 01 (một) ống điều chỉnh chữ L, hai đầu lục giác 08mm; 01 (một) dụng cụ bẻ khóa xe máy bằng kim loại dài 8,2cm, có cán dài 05cm, trên cán có chữ 8mm STANDARD; 01 (một) dụng cụ bẻ khóa xe máy bằng kim loại dài 7,3cm, có cán dài 4,3cm và 01 (một) giấy hẹn đăng ký xe mới 60C1-879.79, 01 (một) giấy mua bán xe mô tô tên Thái Hiệp T.

(Những vật chứng nêu trên hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh đang quản lý).

- Các bị cáo Thái Hiệp T, Phan Đình Tr, Phạm Minh Quốc Th và Phạm Văn T1 đồng ý với bản luận tội của đại diện Viện kiểm sát, tuy nhiên các bị cáo có ý kiến không đồng ý với ý kiến của đại diện Viện kiểm sát truy tố bổ sung các bị cáo phạm tội có tổ chức và mức hình phạt theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là quá cao.

- Những người bị hại D, T2, N, H đồng ý với bản luận tội và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nêu ra, không ý kiến tranh luận, đối đáp gì.

- Lời nói sau cùng của các bị cáo Thái Hiệp T, Phan Đình Tr, Phạm Minh Quốc Th và Phạm Văn T1: Các bị cáo xin lỗi những người bị hại, rất hối hận về hành vi của bản thân gây ra, xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử (HĐXX) nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và người bị hại, người có quyền lợi liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua xét hỏi và tranh luận tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo Thái Hiệp T, Phan Đình Tr, Phạm Minh Quốc Th và Phạm Văn T1 đã thừa nhận hành vi phạm tội của mình, lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với lời khai của người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. HĐXX đã có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo Thái Hiệp T, Phan Đình Tr, Phạm Minh Quốc Th và Phạm Văn T1 phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 138 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Các bị cáo Thái Hiệp T, Phan Đình Tr, Phạm Minh Quốc Th và Phạm Văn T1 đã lợi dụng sự sơ hở trong quản lý tài sản của người bị hại nên từ ngày 03/6/2017 đến ngày 20/6/2017 các bị cáo đã nhiều lần lén lút lấy trộm tài sản (xe mô tô) của nhiều người trên địa bàn huyện An Biên, huyện An Minh và huyện U Minh Thượng, tỉnh Kiên Giang để bán lấy tiền chia nhau tiêu xài, trong đó: Thái Hiệp T đã thực hiện 07 vụ trộm cắp tài sản của 07 người bị hại có tổng giá trị theo kết luận định giá là **245.836.600đ** (*Hai trăm bốn mươi lăm triệu tám trăm ba mươi sáu nghìn sáu trăm đồng*); Phan Đình Tr đã thực hiện 03 vụ trộm cắp tài sản của 03 người bị hại có tổng giá trị theo kết luận định giá là **82.591.000đ** (*Tám mươi hai triệu năm trăm chín mươi một nghìn đồng*); Phạm Minh Quốc Th thực hiện 04 vụ trộm cắp tài sản của 04 người bị hại có tổng giá trị theo kết luận định giá là **134.170.000đ** (*Một trăm ba mươi bốn triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng*); Phạm Văn T1 đã thực hiện 06 vụ trộm cắp tài sản của 06 người bị hại có tổng giá trị theo kết luận định giá là **194.257.000đ** (*Một trăm chín mươi bốn triệu hai trăm năm mươi bảy nghìn đồng*).

Trước khi thực hiện hành vi phạm tội trong khoảng thời gian nêu trên, các bị cáo đã có sự câu kết chặt chẽ với nhau để cố ý cùng thực hiện hành vi phạm tội theo kế hoạch đã thống nhất trước (thống nhất lần đầu bàn bạc, phân công vai trò, nhiệm vụ của từng người, sau đó mặc nhiên nhiệm vụ của ai người đó tiếp tục thực hiện mà không cần phải bàn bạc, phân công lại, cụ thể: Thái Hiệp T, Phan Đình Tr

là người điều khiển xe để tìm tài sản và canh đường; Phạm Minh Quốc Th, Phạm Văn T1 có trách nhiệm bẻ khóa để lấy tài sản).

Bản thân các bị cáo có nhiều tiền án, (riêng đối với bị cáo Phan Đình Tr đã tái phạm), chưa được xóa án tích mà lại phạm tội do cố ý.

Do đó, hành vi phạm tội của bị cáo Thái Hiệp T nêu trên là phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 3 Điều 138 BLHS với tình tiết định khung là chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng (điểm a khoản 3 Điều 138 BLHS); hành vi phạm tội của bị cáo Phan Đình Tr, Phạm Minh Quốc Th, Phạm Văn T1 là phạm tội trộm cắp tài sản theo khoản 2 Điều 138 BLHS với tình tiết định khung là có tổ chức và chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng (điểm a, e khoản 2 Điều 138 BLHS), ngoài ra bị cáo Tr còn có tình tiết định khung là tái phạm nguy hiểm (điểm c khoản 2 Điều 138 BLHS).

Nên các bị cáo bị truy tố và xét xử lần lượt theo quy định tại khoản 2, khoản 3 Điều 138 BLHS theo kết luận và đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở, đúng pháp luật.

Khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 138 Bộ luật hình sự quy định:

1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm:

a) Có tổ chức;

b) Có tính chất chuyên nghiệp;

c) Tái phạm nguy hiểm;

d) Dùng thủ đoạn xảo quyệt, nguy hiểm;

đ) Hành hung để tẩu thoát;

e) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ năm mươi triệu đồng đến dưới hai trăm triệu đồng;

g) Gây hậu quả nghiêm trọng.

3. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ bảy năm đến mười lăm năm:

a) Chiếm đoạt tài sản có giá trị từ hai trăm triệu đồng đến dưới năm trăm triệu đồng;

b) Gây hậu quả rất nghiêm trọng.

.....

Hành vi phạm tội của các bị cáo là rất nguy hiểm cho xã hội, tuy các bị cáo lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác nhưng qua các lần thực hiện hành vi phạm tội, các bị cáo đều thực hiện vào ban ngày thể hiện hành vi phạm tội một cách manh động, liều lĩnh, chỉ đợi sự sơ hở trong quản lý tài sản của bị hại là các bị cáo chiếm đoạt.

Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được lén lút chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, làm ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự an toàn xã hội ở địa phương, gây bất bình trong nhân dân. Bản thân các bị cáo đã nhiều lần phạm tội trộm cắp tài sản và đã bị xử phạt bằng những bản án, (riêng bị cáo Phan Đình Tr bị xử phạt về tội cố ý gây thương tích và trốn khỏi nơi giam giữ, đã tái phạm), sau đó chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội. Điều đó cho thấy, các bị cáo chưa thật sự ăn năn hối cải, mức hình phạt tù trước đây đối với các bị cáo là chưa đủ sức răn đe, giáo dục các bị cáo.

Do đó cần phải xử phạt các bị cáo một mức án tù tương xứng với tính chất và mức độ phạm tội mà các bị cáo đã thực hiện, cụ thể phải cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định để cải tạo, giáo dục các bị cáo thành công dân tốt, sống có ích cho xã hội.

Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai báo thể hiện sự ăn năn hối cải; bị cáo T, Tr đã tự nguyện bồi thường giá trị tài sản bị chiếm đoạt cho người bị hại để khắc phục hậu quả, đồng thời theo hồ sơ thể hiện cũng như tại phiên tòa hôm nay người bị hại có yêu cầu giảm nhẹ hình phạt đối với bị cáo T, Tr nên cần xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 BLHS đối với bị cáo T, Tr và áp dụng điểm p khoản 1 Điều 46 BLHS đối với bị cáo Th, T1 là phù hợp, thể hiện sự khoan hồng, nhân đạo của pháp luật đối với các bị cáo.

[3] Về trách nhiệm dân sự, tại phiên tòa các bị cáo T, Tr, Th, T1 và những người bị hại D, T2, N, H tự thỏa thuận được với nhau về số tiền phải bồi thường thiệt hại, đồng thời bị cáo T1 còn tự nguyện bồi thường thiệt hại cho người bị hại vắng mặt tại phiên tòa là Quốc A theo thỏa thuận trước đây. Thấy rằng, đây là sự tự thỏa thuận giữa các bị cáo và những người bị hại, sự thỏa thuận này không trái quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận. Tuy nhiên, về thời gian và phương thức bồi thường giữa các bị cáo và những người bị hại không tự thỏa thuận được nên HĐXX không thể ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận mà buộc từng bị cáo phải bồi thường cho từng bị hại theo số tiền đã thỏa thuận với nhau là phù hợp theo quy định tại các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự.

Đối với người bị hại Đặng Bảo T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Phạm Văn B mặc dù tài sản bị chiếm đoạt không thu hồi được, nhưng trong đơn yêu cầu xét xử vắng mặt thể hiện ý kiến không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thiệt hại gì, nên HĐXX không xem xét.

Đối với số tiền Công ty TNHH dịch vụ Cosmos (Việt Nam) (bị hại Đoàn Thị D tự khai) đã bồi thường cho chị được 40.400.000 đồng, do chị mua bảo hiểm xe,

hiện tại Công ty TNHH dịch vụ Cosmos (Việt Nam) không có đơn yêu cầu buộc các bị cáo T, Th phải bồi thường nên không thể xem xét giải quyết trong cùng vụ án này. Vì vậy đối với số tiền của Công ty TNHH dịch vụ Cosmos (Việt Nam) sẽ được tách ra giải quyết thành một vụ án khác khi có yêu cầu.

[4] Về vật chứng, áp dụng khoản 1 Điều 41 BLHS và khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, tịch thu sung quỹ nhà nước những công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội còn giá trị sử dụng và tịch thu tiêu hủy những công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng.

[5] Về án phí, các bị cáo Thái Hiệp T, Phan Đình Tr, Phạm Minh Quốc Th và Phạm Văn T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 và Điều 26 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Đối với những người tên S, X và Tèo Th hiện cơ quan cảnh sát điều tra chưa xác định được nhân thân, địa chỉ, khi nào xác định được sẽ xem xét xử lý thành một vụ án khác. Đối với những vụ trộm cắp tài sản mà các bị cáo khai nhận thực hiện trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu, Cà Mau thì đã được xem xét xử lý, nên không xem xét giải quyết trong vụ án này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo **Thái Hiệp T, Phan Đình Tr, Phạm Minh Quốc Th và Phạm Văn T1** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng điểm a khoản 3 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; điểm a, g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009): Xử phạt bị cáo **Thái Hiệp T** 08 (Tám) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị tạm giữ (ngày 22/6/2017).

- Áp dụng điểm a, c, e khoản 2 Điều 138; điểm b, p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46 và Điều 33 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009): Xử phạt bị cáo **Phan Đình Tr** 03 (Ba) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị tạm giữ (ngày 22/6/2017).

- Áp dụng điểm a, e khoản 2 Điều 138; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 và Điều 33 BLHS năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009):

+ Xử phạt bị cáo **Phạm Minh Quốc Th** 05 (Năm) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị cáo vào chấp hành án.

+ Xử phạt bị cáo **Phạm Văn T1** 06 (Sáu) năm tù, thời điểm chấp hành hình phạt tù được tính kể từ ngày bị tạm giữ (ngày 22/6/2017).

- Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 42 BLHS; các Điều 584, 585, 586, 587 và 589 Bộ luật dân sự:

+ Buộc bị cáo Thái Hiệp T phải bồi thường thiệt hại cho những người bị hại với số tiền như sau: Anh Lê Văn T2 **19.485.000 đồng**; Ông Lâm Thế N **16.102.800**

đồng; Bà Đoàn Thị D 5.589.500 đồng. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường 41.177.300 đồng.

+ Buộc bị cáo Phạm Minh Quốc Th phải bồi thường thiệt hại cho những người bị hại với số tiền như sau: Ông Nguyễn Hoài H **6.825.000 đồng**; Bà Đoàn Thị D **5.589.500 đồng**. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường **12.414.500 đồng**.

+ Buộc bị cáo Phạm Văn T1 phải bồi thường thiệt hại cho những người bị hại với số tiền như sau: Anh Lê Văn T2 **19.485.000 đồng**; Ông Lâm Thế N **16.102.800 đồng**; anh Lê Quốc A **15.000.000 đồng**; Ông Nguyễn Hoài H **6.825.000 đồng**. Tổng cộng bị cáo phải bồi thường **57.412.800 đồng**.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của những người bị hại Lê Văn T2, Lâm Thế N, Lê Quốc A, Nguyễn Hoài H và Đoàn Thị D nếu các bị cáo Thái Hiệp T, Phạm Minh Quốc Th và Phạm Văn T1 không bồi thường hoặc bồi thường không đủ các số tiền nêu trên thì hàng tháng các bị cáo T, Th, T1 còn phải trả tiền lãi cho những người bị hại nêu trên theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 42 BLHS và khoản 2 Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự:

+ Tịch thu sung quỹ Nhà nước 01 (một) xe mô tô hiệu Honda, loại xe Winner, màu xanh - trắng, có biển số 60C1-879.55, cũ đã qua sử dụng (xe của Phạm Minh Quốc Th), một bên bửng trái bị bể; 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha, loại xe Exciter, màu xanh - đen bạc, có biển số 60C1-879.79, cũ đã qua sử dụng (xe của Hiệp T); 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu đen, có số sim 0888568452, cũ đã qua sử dụng (của Thái Hiệp T); 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia màu xanh - đen, có số IMEI 353687/07/449783/2, cũ đã qua sử dụng (của Phạm Văn T1); 01 (một) điện thoại di động hiệu Nokia, màu trắng - đen, có số sim 0888315051, cũ đã qua sử dụng (của Phan Đình Tr).

+ Tịch thu tiêu hủy 01 (một) dụng cụ mở khóa an T1 bằng kim loại dài 05cm, hình trụ, mặt cắt hình vuông có cạnh 0,8cm; 01 (một) ống điều chữ L, hai đầu lục giác 08mm; 01 (một) dụng cụ bẻ khóa xe máy bằng kim loại dài 8,2cm, có cán dài 05cm, trên cán có chữ 8mm STANDARD (Đoãn bẻ ổ khóa xe); 01 (một) dụng cụ bẻ khóa xe máy bằng kim loại dài 7,3cm, có cán dài 4,3cm (Đoãn bẻ ổ khóa xe); 01 (một) giấy hẹn đăng ký mới xe 60C1-879.79 (bản phô tô); 01 (một) giấy mua bán xe mô tô tên Thái Hiệp T (hợp đồng mua xe).

(Hiện Chi cục thi hành án dân sự huyện An Minh đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 01/11/2017).

- Về án phí: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án:

+ Buộc mỗi bị cáo Thái Hiệp T, Phan Đình Tr, Phạm Minh Quốc Th và Phạm Văn T1 phải chịu **200.000đ** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

+ Buộc bị cáo Thái Hiệp T phải chịu **2.058.865 đồng** (41.177.300đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản phải bồi thường cho người bị hại.

+ Buộc bị cáo Phạm Minh Quốc Th phải chịu **620.725 đồng** (12.414.500đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản phải bồi thường cho người bị hại.

+ Buộc bị cáo Phạm Văn T1 phải chịu **2.870.640 đồng** (57.412.800đ x 5%) tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị tài sản phải bồi thường cho người bị hại.

Án xử sơ thẩm có mặt các bị cáo Thái Hiệp T, Phan Đình Tr, Phạm Minh Quốc Th và Phạm Văn T1; người bị hại bà Đoàn Thị D, anh Lê Văn T2, ông Lâm Thế N và ông Nguyễn Hoài H; vắng mặt người bị hại anh Đồng Vũ L, anh Lê Quốc A, anh Đặng Bảo T3 và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn B. Báo cho các bị cáo và những người bị hại có mặt tại phiên tòa biết là có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án (ngày 27-12-2017); người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản chính của bản án này hoặc bản chính của bản án này được niêm yết theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự.

Trường hợp phần dân sự của bản án này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Nơi nH:

- VKS huyện, tỉnh;
- Toà án tỉnh KG;
- Cơ quan THAHS huyện AM;
- Cơ quan THADS huyện AM;
- Bị cáo;
- Sở TP tỉnh KG;
- UBND xã BC, xã XQ;
- Lưu Văn phòng, hồ sơ vụ án.

Phạm Thị Mỹ Linh